

Số: 318 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-KĐCLV ngày 27/12/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXIV ngày 14/2026 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 23 tháng 01 đến ngày 27 tháng 01 năm 2026 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội; Điểm trung bình từng lĩnh vực như sau: Đảm bảo chất lượng về chiến lược đạt mức 3,97; Đảm bảo chất lượng về hệ thống đạt mức 3,84; Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng đạt mức 3,92; Kết quả hoạt động đạt mức 4,02. Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới mức 2,0 (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội tham khảo 25 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 46 Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng



21

giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội theo quy định hiện hành.

5. Chu kì kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./..

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD 

CHỦ TỊCH



Phạm Lê Cường



Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 348/NQ-HĐKĐCLV ngày 07/4/2026 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD-Trường Đại học Vinh)

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Mức đánh giá trung bình
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.99
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4.20
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	4.00
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lí	4.00
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	3.75
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4.00
Tiêu chuẩn 6: Quản lí nguồn nhân lực	4.14
Tiêu chuẩn 7: Quản lí tài chính và cơ sở vật chất	3.80
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4.00
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.84
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4.00
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	3.75
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	4.00
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3.60
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.92
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	4.20
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3.80
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	4.00
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3.75
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4.00
Tiêu chuẩn 18: Quản lí nghiên cứu khoa học	4.00
Tiêu chuẩn 19: Quản lí tài sản trí tuệ	3.75
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	3.75
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	4.00
Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4.02
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	4.00
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3.83
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	4.25
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	4.00

Handwritten signature

Phụ lục II

**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**
(Kèm theo Nghị quyết số 218/NQ-HĐKĐCLV ngày 06/4/2026 của Hội đồng Kiểm định
chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD-Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển; được công bố và phổ biến trên hệ thống thông tin chính thức. Hệ thống quản trị và cơ cấu tổ chức được thiết lập đầy đủ theo quy định, thường xuyên được rà soát, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được rõ ràng và bảo đảm các quyết định quản trị được triển khai hiệu quả. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và cập nhật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp hơn với định hướng phát triển của Trường. Công tác quản lý nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất được thực hiện theo định hướng chiến lược, đồng bộ, công khai, minh bạch, bảo đảm tự chủ tài chính và đáp ứng hiệu quả yêu cầu hoạt động.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Nhà trường đã thiết lập hệ thống và mạng lưới bảo đảm chất lượng bên trong tương đối hoàn chỉnh với cơ cấu tổ chức và mạng lưới chuyên trách; các chính sách về đảm bảo chất lượng được ban hành, được rà soát và điều chỉnh thường xuyên. Công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục được triển khai cho các giai đoạn 2015 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2025; đã tổng kết, đánh giá, ban hành kế hoạch cải tiến và thực hiện hoạt động cải tiến sau đánh giá chu kỳ 1. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng và hoàn thiện trên nền tảng công nghệ thông tin, phân công rõ trách nhiệm, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu và khai thác hiệu quả thông tin phục vụ quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hoạt động nâng cao chất lượng được triển khai có kế hoạch theo chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030, gắn với cơ chế rà soát, đánh giá, đối sánh, cải tiến thường xuyên, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng

Nhà trường đã xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách, kế hoạch tuyển sinh phù hợp với quy định; hoạt động quảng bá tuyển sinh được triển khai đa dạng, tiếp cận hiệu quả các bên liên quan và có cơ chế giám sát chặt chẽ. Quy trình thiết kế, rà soát và

cập nhật chương trình dạy học được thiết lập, vận hành đồng bộ bảo đảm tính hệ thống, minh bạch và được cải tiến. Hoạt động đánh giá kết quả học tập đảm bảo đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học, có cơ chế giám sát, phản hồi và xử lý khiếu nại rõ ràng, nâng cao tính công bằng và độ tin cậy trong đánh giá. Công tác phục vụ, hỗ trợ người học được chú trọng. Các văn bản quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, sử hữu trí tuệ được ban hành khá đầy đủ, được rà soát và cải tiến trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý từ các bên liên quan; đồng thời Nhà trường có chính sách hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

+ Lĩnh vực Kết quả hoạt động

Nhà trường đã xây dựng và triển khai quy trình xác lập, giám sát tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, phân tích nguyên nhân và có giải pháp tích cực để nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học. Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và người học được Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội được xác lập và theo dõi; có cơ chế thu thập phản hồi và đánh giá tác động xã hội rõ ràng, qua đó bảo đảm hiệu quả đóng góp cho xã hội và sự lan tỏa tích cực đến cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hệ thống chiến lược, kế hoạch và giám sát tài chính được triển khai đồng bộ, đa tầng và minh bạch; các chính sách đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học được ban hành góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên.

Tuy nhiên, để tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 25 nhóm giải pháp đề xuất sau đây:

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chiến lược

(1) Cần ban hành và triển khai quy trình rà soát, cập nhật tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá phù hợp với bối cảnh mới và cách tiếp cận mới; xây dựng kế hoạch hành động gắn với dự báo rủi ro và cơ chế điều chỉnh, bảo đảm giữ gìn và phát huy bản sắc, văn hoá và thương hiệu. Giá trị cốt lõi cần thể hiện tính đặc thù về “sự phạm” và “thể dục thể thao”, đảm bảo sự kết nối với chuẩn đầu ra và mô hình đào tạo; đồng thời có văn bản thể hiện sự thống nhất cao giữa các cấp Đảng ủy, chính quyền và đoàn thể. Sau khi điều chỉnh, cần tuyên bố và phổ biến sâu rộng, gắn với rà soát, cập nhật chiến lược phát triển, bảo đảm chuyển hoá thành hành động của giảng viên và người học.

(2) Cần ban hành quy trình hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quản trị trong bối cảnh mới, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ Nghị quyết của Đảng uỷ đến các quyết định của Hiệu trưởng và việc cụ thể hoá chỉ tiêu tại các đơn vị. Đảng uỷ cần ban hành các Nghị quyết tạo cơ chế chính sách quản trị mới nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển trong giai đoạn mới. Đồng thời, cần rà soát, đối sánh hệ thống quản trị và cơ chế giám sát việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, các mục tiêu của chiến lược

26

phát triển. Kiện toàn các đầu mối kiểm tra, giám sát bảo đảm bao quát đầy đủ cơ cấu tổ chức và hoạt động. Bổ sung tiêu chuẩn cán bộ trong công tác quy hoạch theo hướng định lượng gắn với chức năng nhiệm vụ và hiệu quả quản lý; đồng thời tái cấu trúc lại Hội đồng Khoa học và Đào tạo (hoặc Hội đồng chiến lược) theo đúng vai trò tư vấn, tham mưu cho Đảng uỷ, Ban giám hiệu trong bối cảnh không còn Hội đồng trường.


(3) Cần ban hành quy trình rà soát định kì và giám sát hiệu quả việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong bộ máy quản lý trên cơ sở KPIs và yêu cầu cao hơn về năng lực số. Cơ cấu lại bộ máy quản lý và chuyên môn nhằm hướng đến mục tiêu phát triển thành trường trọng điểm, dẫn đầu và đại học đa ngành. Nên xem xét thành lập Hội đồng khoa; đa dạng hoá phương thức truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng; thu hút sự quan tâm của nhà sử dụng lao động, doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược. Hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan cần quan tâm xác định nhóm đối tượng trọng tâm, quy mô mẫu phù hợp và phương pháp xử lý dữ liệu bảo đảm tin cậy và giá trị sử dụng.

(4) Cần ban hành hướng dẫn và triển khai việc xây dựng các chiến lược thành phần, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn gắn với hệ thống các KPIs. Thực hiện quy trình rà soát và đánh giá mức độ thực hiện đồng thời đối sánh trong nước và quốc tế. Phát huy lợi thế ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối chặt chẽ các KPIs của chiến lược phát triển với kế hoạch ngắn hạn của Trường, kế hoạch năm học của đơn vị. Xây dựng quy trình theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện các KPIs, đối sánh và công khai kết quả trong các báo cáo tổng kết năm, kế hoạch công tác năm của Trường và của đơn vị, bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

(5) Cần định kì tổ chức các khoá học, tập huấn về xây dựng chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; triển khai giải pháp hiệu quả nhằm huy động sự tham gia, góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chính sách. Tăng cường phổ biến, quán triệt và tập huấn đầy đủ, sâu rộng các chính sách cho các đơn vị, cán bộ, giảng viên. Định kì thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể việc thực hiện các chính sách trên cơ sở khảo sát ý kiến các bên liên quan, làm cơ sở tham mưu cho Ban Giám hiệu và Hội đồng trường ban hành và cải tiến chính sách đồng bộ, hiệu quả.

(6) Cần cụ thể hóa các chỉ tiêu chiến lược về đội ngũ thành mục tiêu cho từng ngành, nhóm ngành và từng nhóm vị trí việc làm theo lộ trình ngắn hạn, dài hạn. Thực hiện rà soát, lượng hóa tiêu chuẩn năng lực để bảo đảm đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên khách quan, chính xác. Điều chỉnh định mức chi đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc gắn với mô tả vị trí việc làm và kết quả định kì. Tăng cường chính sách phúc lợi, cải thiện điều kiện làm việc trong bối cảnh chuyển đổi số và định kì khảo sát các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh chính sách, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

(7) Cần xây dựng cơ chế, giải pháp phát huy hiệu quả nguồn nhân lực đã và đang



học tập, nghiên cứu ở nước ngoài nhằm mở rộng hợp tác và tìm kiếm đề tài nghiên cứu khoa học tạo nguồn kinh phí cho Trường. Cần có biện pháp kết nối đồng bộ phần mềm quản trị và chia sẻ dữ liệu dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc, công tác tham mưu và ra quyết định kịp thời. Cần ưu tiên kinh phí đầu tư, mua sắm giáo trình tài liệu cho các chương trình đào tạo và Thư viện; sớm triển khai xây dựng Thư viện số và ứng dụng phần mềm kiểm tra sao chép chống đạo văn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong giai đoạn tới.

(8) Cần ban hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động hợp tác đối ngoại, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và nguồn lực thực hiện. Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện hoạt động đối ngoại giai đoạn trước đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, đảm bảo phát triển bền vững. Phân tích xu hướng, đánh giá hiệu quả mạng lưới đối tác và các chương trình hợp tác trên các phương diện đào tạo, nghiên cứu khoa học và hiệu quả kinh tế; định kỳ rà soát, điều chỉnh chính sách và giải pháp nhằm duy trì, mở rộng và nâng cao chất lượng các quan hệ hợp tác đối ngoại theo kế hoạch phát triển hằng năm và từng giai đoạn.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống

(9) Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ gắn với mục tiêu chiến lược phát triển; sớm kiện toàn Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế, bổ sung nhân sự, nâng cao năng lực nhằm thực hiện tốt vai trò tham mưu, tư vấn và triển khai đảm bảo chất lượng. Rà soát, hoàn thiện các quy định, công cụ, cơ chế phối hợp đảm bảo chất lượng; xây dựng chiến lược và kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045 với hệ thống KPIs rõ ràng. Tăng cường giám sát việc thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng và nâng cao năng lực chuyên môn về quản trị chất lượng, đo lường, đánh giá và xây dựng KPIs cho đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng.

(10) Cần xây dựng kế hoạch chuẩn bị đánh giá ngoài trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm từ các cơ sở giáo dục đã triển khai hiệu quả công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài. Chủ động kết nối, học tập mô hình tổ chức, điều phối và huy động các bên liên quan tham gia công tác đảm bảo chất lượng. Đồng thời, khẩn trương xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá, chuẩn bị đánh giá ngoài các chương trình đào tạo nhằm đáp ứng lộ trình kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ. Sau mỗi đợt đánh giá ngoài cần ban hành kế hoạch cải tiến toàn diện các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, trong đó xác định rõ nguồn lực thực hiện về nhân sự và tài chính.

(11) Cần rà soát, lược bỏ, bổ sung cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, bảo đảm tính đồng bộ, đầy đủ và phục vụ hiệu quả công tác quản lí, điều hành. Xây dựng hệ thống quản lí tích hợp dưới dạng trang quản trị tổng hợp và phần mềm quản lí dữ liệu đảm bảo chất lượng có khả năng kết nối, trích xuất dữ liệu từ các phần mềm khác. Đầu tư phần mềm quản lí đội ngũ, nghiên cứu khoa học và kiểm

yl

VÀ
IG T
A Đ
LƯ
O D
ĐAI

tra sao chép; Xây dựng lộ trình ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ trong quản lí, ban hành các tiêu chí đánh giá hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong làm căn cứ cải tiến; định kì rà soát, đánh giá hiệu quả của việc cải tiến về chính sách, quy trình của hệ thống quản lí thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.

(12) Nhà trường cần xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá kết quả sau cải tiến để làm cơ sở điều chỉnh, nâng cao chất lượng; đồng thời bổ sung cơ chế khuyến khích cải tiến vào Quy chế chi tiêu nội bộ. Cần hoàn thiện và ban hành hướng dẫn về so chuẩn, đối sánh với hệ thống tiêu chí và chỉ số đo lường cụ thể theo từng lĩnh vực; triển khai so chuẩn các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng gắn với kế hoạch chiến lược, tham chiếu các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế để xác định thang đo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và yêu cầu hội nhập; đồng thời phân tích, sử dụng kết quả đối sánh làm căn cứ tăng cường đảm bảo chất lượng và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng

(13) Cần phân tích dữ liệu tuyển sinh đầy đủ, chi tiết và thực hiện đối sánh giữa các phương thức tổ hợp xét tuyển; đồng thời so sánh kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập để làm căn cứ điều chỉnh chính sách, tiêu chí tuyển sinh. Tăng cường hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tuyển sinh và ban hành quy chế, đề án thi năng khiếu hàng năm bảo đảm chặt chẽ, thống nhất.

(14) Cần cụ thể hoá quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan và thực hiện đối sánh chương trình đào tạo theo hướng dẫn tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Sớm ban hành hướng dẫn chi tiết và tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ giảng viên về kĩ năng xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần. Rà soát, điều chỉnh ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra bảo đảm tính hợp lí, chính xác và thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần. Rà soát tổ hợp phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và nghiên cứu điều chỉnh số học phần, số tín chỉ nhằm tăng tính tích hợp và phù hợp của chương trình đào tạo.

(15) Cần đẩy mạnh phổ biến, làm rõ nội hàm triết lí giáo dục đến giảng viên, người học và các bên liên quan; lồng ghép nội dung triết lí giáo dục trong sổ tay sinh viên, học viên, trong quy định rèn luyện của sinh viên và chia sẻ trong các hoạt động tuần sinh hoạt công dân. Chú trọng phát triển đội ngũ có trình độ cao, được đào tạo ở các nước tiên tiến; khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện khóa luận tốt nghiệp; tăng cường sinh hoạt chuyên môn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, cải tiến đề cương học phần, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát người học trong nâng cao chất lượng giảng dạy.

(16) Cần định kì tổ chức tập huấn cho giảng viên thiết kế, xây dựng và sử dụng rubric trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đối với đặc thù ngành Giáo dục thể chất. Thực hiện rà soát lại công tác xây dựng đề cương học phần, công cụ kiểm

tra đánh giá và ma trận liên kết chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở tất cả các trình độ, loại hình đào tạo. Các hình thức, công cụ và rubric đánh giá cần được điều chỉnh hàng năm. Xây dựng ngân hàng đề thi theo chuẩn đầu ra và ban hành quy trình rà soát, cũng như hướng dẫn đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.

(17) Nhà trường cần xây dựng cơ chế, quy trình phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị để kịp thời giải quyết vấn đề của người học; tăng cường kết nối doanh nghiệp, tổ chức chia sẻ thực tiễn khởi nghiệp cho sinh viên năm cuối. Cụ thể hoá nội dung và kế hoạch giám sát người học theo chu trình PDCA, đa dạng hóa hình thức giám sát và thiết lập hệ thống số liệu theo năm làm căn cứ cải tiến. Thực hiện khảo sát đầy đủ các bên liên quan về hoạt động giám sát, hỗ trợ người học để có kế hoạch cải tiến một cách bài bản và hiệu quả.

(18) Cần xây dựng cơ chế đánh giá định kì tác động của chính sách nghiên cứu khoa học gắn với chất lượng, hiệu quả và khả năng ứng dụng; đa dạng hóa, gia tăng nguồn lực tài chính, ưu tiên lĩnh vực thế mạnh và nghiên cứu có khả năng chuyển giao. Hoàn thiện hệ thống KPIs theo hướng phân tầng, bổ sung chỉ số về chiều sâu học thuật, tác động xã hội, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa. Cần đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước, xây dựng cơ chế vận hành hiệu quả cho nhóm nghiên cứu và mở rộng khảo sát các bên liên quan bên ngoài để làm căn cứ cải tiến liên tục hoạt động nghiên cứu khoa học.

(19) Cần xây dựng kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ gắn với nghiên cứu khoa học, xác định rõ các lĩnh vực có tiềm năng đăng ký bảo hộ phù hợp với thế mạnh đào tạo; hoàn thiện quy trình rà soát sau công bố để đánh giá khả năng bảo hộ và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Trang bị phần mềm kiểm soát đạo văn, ban hành quy định sử dụng thống nhất nhằm bảo đảm liêm chính học thuật; xây dựng cơ chế khuyến khích cụ thể đi đôi với quy định rõ trách nhiệm trong quản lý tài sản trí tuệ. Cần thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng để tăng cường chuyển giao, ứng dụng và nâng cao giá trị khai thác tài sản trí tuệ.

(20) Cần xây dựng, chuẩn hóa hệ thống KPIs cho hợp tác nghiên cứu theo hướng đo lường cả số lượng, chất lượng và tác động, làm căn cứ lựa chọn, phát triển đối tác chiến lược. Trên cơ sở các MOU đã kí, cần ban hành kế hoạch triển khai cụ thể gắn với mục tiêu và sản phẩm đầu ra rõ ràng; ưu tiên các dự án hợp tác quốc tế, hình thành nhóm nghiên cứu chung phù hợp thế mạnh. Tăng cường nguồn lực, cơ chế khuyến khích và bồi dưỡng năng lực cho giảng viên về xây dựng, quản lý dự án và công bố quốc tế. Sử dụng kết quả rà soát hiệu quả hợp tác một cách hệ thống để điều chỉnh định hướng, tập trung vào các đối tác mang lại giá trị học thuật và đóng góp thiết thực cho chiến lược nghiên cứu dài hạn.

(21) Cần xây dựng định hướng và kế hoạch tổng thể dài hạn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng làm cơ sở thống nhất triển khai hàng năm; đồng thời ban hành cơ

ll

chế yêu cầu các đơn vị sơ kết, đánh giá mức độ lan tỏa và tác động sau mỗi hoạt động, định kì tổ chức hội thảo đánh giá hiệu quả và tác động xã hội. Cần xác định rõ nội dung khảo sát hằng năm đối với hoạt động kết nối, phục vụ công đồng; quy định cụ thể công cụ, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu để phản hồi và phục vụ cải tiến. Mở rộng đối tượng khảo sát như cựu sinh viên, giảng viên, nhà sử dụng lao động nhằm bảo đảm tiếp cận đa chiều và nâng cao tính đáp ứng của hoạt động.

+ Lĩnh vực Kết quả hoạt động

(22) Cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí kết quả hoạt động đào tạo, hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan. Xây dựng bộ KPIs thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường theo từng năm học. Hàng năm, cần có sự phân tích, đánh giá các kết quả thu được, từ đó có giải pháp cải tiến, điều chỉnh các chỉ số phù hợp cho năm học tiếp theo. Mở rộng việc đối sánh các chỉ số về hoạt động đào tạo với nhiều cơ sở giáo dục khác để có dữ liệu đa chiều, đánh giá đúng thực trạng của Nhà trường trong nhóm các trường cùng lĩnh vực và trong hệ thống giáo dục đại học.

(23) Cần cập nhật, điều chỉnh Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và ban hành bộ KPIs triển khai chiến lược; đồng thời hoàn thiện chính sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học theo hướng khuyến khích giảng viên, sinh viên tham gia và gia tăng sản phẩm khoa học bậc cao. Ưu tiên tăng chi cho đề tài cơ sở trọng điểm gắn với sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng, từng bước hình thành nền tảng ươm mầm khoa học; rà soát quy định quy đổi loại hình nghiên cứu khoa học để tập trung vào sản phẩm thực chất. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động đa dạng nguồn lực tài chính, bao gồm nguồn thu từ chuyển giao khoa học công nghệ; tăng cường chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học sinh viên. Làm rõ đầu mối phụ trách hoạt động khởi nghiệp, chuyển giao, thương mại hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lí và phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường.

(24) Cần phát huy vai trò của hoạt động phục vụ cộng đồng như một chức năng cốt lõi và kênh quảng bá hình ảnh; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi. Cần chuyên trách hóa đầu mối phụ trách phục vụ công đồng, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả lập kế hoạch, triển khai, giám sát và cải tiến. Đẩy mạnh đối sánh nội bộ và với các trường đại học khác về loại hình, quy mô, tác động xã hội và mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động phục vụ cộng đồng.

(25) Nhà trường cần rà soát, hoàn thiện Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thành một hệ thống dữ liệu tổng thể phục vụ quản trị hiệu quả. Ưu tiên nguồn lực tài chính cho công tác đảm bảo chất lượng; tăng nguồn thu từ sản phẩm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và việc thực hiện các đề án, dự án cấp Bộ, cấp Nhà nước và tăng mức chi kinh phí cho hoạt động chuyên môn, nghiên

44

ĐÀO
3
NH

cứu khoa học. Rà soát, điều chỉnh hệ thống chỉ số thị trường trong Chiến lược phát triển theo hướng toàn diện, dựa trên yếu tố chất lượng và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục phù hợp để xác định vị thế và định hướng phát triển.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định./.

